

Số: 1546/BC-CTSN-TCKT

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019.

Kính gửi: - Sở Tài chính Hà Nội;
- Chi cục Tài chính doanh nghiệp.

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về Giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2125/QĐ-UBND ngày 13/5/2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc chuyển đổi Công ty Thủy lợi Sông Nhuệ thành Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ;

Căn cứ Quyết định số 1872/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án đặt hàng duy trì, vận hành hệ thống tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh, xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 651/QĐ-SNN ngày 19/4/2019 của Sở NN&PTNT về việc phê duyệt dự toán chi tiết đặt hàng duy trì, vận hành hệ thống của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2019 của Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ;

Căn cứ Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019 của Công ty Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ; Công ty kính báo cáo tình hình giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp 06 tháng đầu năm 2019 như sau:

Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 2125/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2010 của UBND thành phố Hà Nội, do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.



1. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn

Trong 06 tháng đầu năm 2019, Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ bảo toàn và phát triển vốn nhà nước.

- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 01/01/2019: 1.324.784 triệu đồng;
- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm ngày 30/6/2019: 1.535.911 triệu đồng;
- Tổng tài sản tại thời điểm ngày 30/6/2019 : 1.693.839 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 5.402 triệu đồng.

2. Về việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

a. Hoạt động đầu tư vốn đối với các dự án đầu tư

Tháng 5 năm 2019, Công ty được UBND Thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương triển khai thực hiện Dự án: Lắp đặt khẩn cấp trạm bơm dã chiến Quang Lăng, huyện Phú Xuyên. Hiện nay, Công ty đang tổ chức thi công thực hiện dự án và đồng thời lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình Sở Kế hoạch & Đầu tư thẩm định, trình UBND Thành phố phê duyệt. Tổng mức đầu tư dự kiến: 38.962 triệu đồng.

b. Tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ tại doanh nghiệp

- Quản lý tài sản: Công ty thực hiện quản lý tài sản theo quy định hiện hành của nhà nước về đầu tư mua sắm, sửa chữa nâng cấp, trích khấu hao TSCĐ.

- Quản lý nợ: Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ đã ban hành Quy chế quản lý nợ kèm theo Quyết định số 506/QĐ- CTSD ngày 12/4/2014 theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và thực hiện quản lý nợ theo Quy chế đã ban hành.

+ Nợ phải thu: Tổng số dư nợ phải thu đến ngày 30/6/2019 là 38.173 triệu đồng.

+ Nợ phải trả: Tổng số nợ phải trả đến ngày 30/6/2019 là 157.928 triệu đồng.

- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn là 0,39 lần, thể hiện tại thời điểm 30/6/2019 Công ty có khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.

- Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu là 0,1 lần phản ánh các tài sản của doanh nghiệp được tài trợ chủ yếu bởi nguồn vốn chủ sở hữu.

3. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính

a. Việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch

- Kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2019 của Công ty đạt 43,69% so với kế hoạch cả năm 2019 được Thành phố giao tại Quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của UBND thành phố Hà Nội.

- Sáu tháng đầu năm, Công ty đã điều hành hệ thống phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp và dân sinh, đảm bảo cấp đủ nước các địa phương gieo trồng đúng kế hoạch. Kết quả thực hiện vụ Xuân: Tổng diện tích tưới, tiêu của Công ty phục vụ là 67.852,44 ha trên 76.337,62 ha tổng diện tích tưới, tiêu kế hoạch vụ Xuân năm 2019 (đạt tỷ lệ 89%).

- Một số chỉ tiêu tài chính:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019 theo Quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của UBND Thành phố	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch năm (%)
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	185.331	80.988	43,70
2	Lợi nhuận sau thuế	7.442	5.402	72,58
3	Vốn chủ sở hữu	1.350.000	1.541.548	114,19
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	0,55	0,35	63,57
5	Nợ phải trả quá hạn	0	0	
6	Khả năng thanh toán nợ đến hạn (lần)	> 1	0,39	
7	Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích (ha)	171.241	67.852	39,62

b. Việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

Số còn phải nộp ngân sách năm 2019 chuyển sang là 25,43 triệu đồng, số phát sinh phải nộp trong kỳ là 334,59 triệu đồng, số đã nộp trong kỳ là 379,28 triệu đồng, số đã nộp thừa chuyển sang kỳ sau là 19,26 triệu đồng.

c. Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ

- Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ Đầu tư phát triển	1.431,12			1.431,12
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	1068,18	5,587,2	6,490,53	164,85

4. Việc chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; ban hành và thực hiện quy chế quản lý tài chính của doanh nghiệp
- Công ty chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Ngày 27/9/2011, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 4483/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy chế Quản lý tài chính Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ.

5. Việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác đối với người lao động, người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên, Người đại diện phần vốn của doanh nghiệp theo quy định của Bộ luật Lao động

Trong 6 tháng đầu năm 2019, Công ty thực hiện trả lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác đối với người lao động, người quản lý doanh nghiệp, Người đại diện phần vốn của doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

Tạm ứng tiền lương cho người lao động: 28.560 triệu đồng.

Tạm ứng tiền lương cho lao động quản lý doanh nghiệp: 2.557 triệu đồng.

BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ: 8.359 triệu đồng.

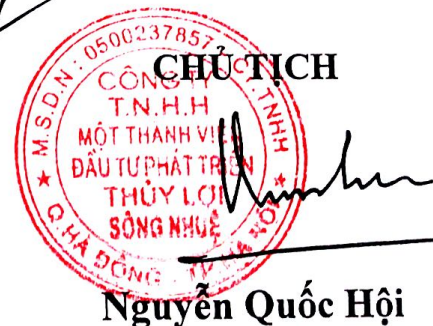
Công ty đã đảm bảo việc làm và thu nhập cho CBCNV với mức lương bình quân là 4.329.000 đồng/người/ tháng; các chế độ chính sách liên quan đến quyền lợi của CBCNVLD đã được Công ty thực hiện đúng, đủ, kịp thời theo quy định hiện hành.

(Kèm theo báo cáo gồm các biểu số: 02.A, 02.C, 02.D, 02.Đ).

Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ kính báo cáo Sở Tài chính Hà Nội, nội dung như trên./.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Sở NN & PTNT (b/c);
- Chủ tịch Cty;
- Tổng Giám đốc Cty;
- Phó TGD Cty;
- Kiểm soát viên Cty;
- Lưu VT; TCKT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Quốc Hội

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng giá trị vốn đầu tư (triệu đồng)					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn huy động			Thực hiện đến ngày 30/6/2019 (Triệu đồng)				Giải ngân đến ngày 30/6/2019 (Triệu đồng)			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng (triệu đồng)
			Tổng	Vốn Tự có	%	Vốn huy động	%		Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/6	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/6		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
A	Các dự án nhóm A																		
B	Các dự án nhóm B																		
C	Các dự án nhóm khác																		
	Dự án lắp đặt khăn cấp Trạm bơm đã chiến Quang Lăng	586/QĐ-SNN ngày 10/4/2019	38.962	-				2019											

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Handwritten signature

Lê Thị Hiền Hường

Hà Nội, ngày 9 tháng 8 năm 2019

CHỖ TÍCH



Nguyễn Quốc Hội

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VNĐ

Nội dung	Cùng kỳ năm 2017	Cùng kỳ năm 2018	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019		Cùng kỳ năm 2017	Cùng kỳ năm 2018	Biến động so với (tỷ lệ %)	
	[1]	[2]	Kế hoạch năm	[3]	[4]	[5] = [4]/[1]	[6] = [4]/[2]	[7] = [4]/[3]
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh								
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu (ha)	37.602,76	36.505,94	171.241,00	67.852,00	180,44	185,87		39,62
- Diện tích tưới (quy đổi ra lúa)	24.218,40	24.267,51		24.855,98				
- Diện tích tiêu				31.065,84				
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu								
3. Tồn kho cuối kỳ								
B. Chỉ tiêu tài chính								
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.555.969.000	66.358.104.604	185.331.414.115	80.976.325.548	414,07	122,03		43,69
2. Các khoản giảm trừ doanh thu								
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.555.969.000	66.358.104.604		80.976.325.548	414,07	122,03		
4. Giá vốn hàng bán	57.699.886.724	61.114.761.420		68.043.258.782	117,93	111,34		
5. LN góp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(38.143.917.724)	5.243.343.184	-	12.933.066.766				
6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.683.833	21.059.165		11.293.815	60,45	53,63		
7. Chi phí tài chính	765.224.856	399.998.538		85.560.487	11,18	21,39		
8. Chi phí bán hàng								
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.123.476.060	4.458.197.477		7.457.002.607	180,84	167,26		
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(43.013.934.807)	406.206.334	-	5.401.797.487				
11. Thu nhập khác	7.272.720	13.610.747		-				
12. Chi phí khác	100	259.193.420		25.496				
13. Lợi nhuận khác	(100)	(245.582.673)		(25.496)				
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(43.013.934.907)	160.623.661	-	5.401.771.991				

Nội dung	Cùng kỳ năm 2017	Cùng kỳ năm 2018	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện	Cùng kỳ năm 2017	Cùng kỳ năm 2018	Kế hoạch năm 2019
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	[1]	[2]	[3]	[4]	[5] = [4]/[1]	[6] = [4]/[2]	[7] = [4]/[3]
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	18.639.363					
17. Chi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Định mức)	-	-					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	(43.013.934.907)	141.984.298	-	-			

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Hiền Hường

Lê Thị Hiền Hường

Hà Nội, ngày 9 tháng 8 năm 2019

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hội

TÌNH HÌNH SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Kế hoạch cả năm (tỷ đồng)	Thực hiện (tỷ đồng)	Tỷ lệ so với kế hoạch (%)	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước (%)
1. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong 6 tháng đầu năm?	185,331	80,98	44%	29%
2. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu?	0	0	-	-
3. Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu?	0	0	-	-
4. Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong 6 tháng đầu năm (tr.đ)	185,331	68,04	37%	25%
5. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong 6 tháng đầu năm (tr.đ)	185,331	80,98	44%	29%

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Hiền Hương

Lê Thị Hiền Hương

Hà Nội, ngày 9 tháng 8 năm 2019

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hội

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp kỳ trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế	25,43	334,59	379,28	-19,26
- Thuế GTGT	5,02	0,00	0,00	5,02
- Thuế TNDN	44,69		44,69	0,00
- Thuế TNCN	0,00	18,89	18,89	
- Thuế Xuất, nhập khẩu		0,00	0,00	0,00
- Thuế đất		312,70	312,70	0,00
- Các khoản thuế khác	-24,28	3,00	3,00	-24,28
2. Các khoản phải nộp khác	0,00	0,03	0,03	0,00
- Phí, lệ phí		0,03	0,03	0,00
- Các khoản phải nộp khác				
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định				
Cộng	25,43	334,61	379,30	-19,26

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ Đầu tư phát triển	1.431,18	-	-	1.431,18
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	1.068,18	5.587,20	6.490,53	164,85
3. Quỹ thưởng VCQLDN				
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN				
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)				

Thuyết minh tăng giảm quỹ trong năm (riêng các quỹ đặc thù được trích theo quy định của pháp luật phải giải trình cơ sở pháp lý, nguồn trích, cơ chế sử dụng)

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Hà Nội, ngày 9 tháng 8 năm 2019

CHỦ TỊCH



